

1. Bà Chu Thị V – Luật sư, công ty luật C- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh T- Luật sư, Văn phòng luật sư P và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

- Bị hại:

1. Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H (trước là Doanh nghiệp tư nhân H).

Trụ sở: tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Giáp Thị H, SN: 1978 – Giám đốc. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đ T, sinh năm: 1992; trú tại: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

Ông Nguyễn Duy N – Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H; Có mặt.

2. Doanh nghiệp tư nhân P.

Trụ sở: tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Viết C, SN: 1963 – Chủ doanh nghiệp. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê Văn Đ; sinh năm: 1957; trú tại: tỉnh Quảng Nam. Có mặt

Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1964; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

1. Ông Lê Văn H – Luật sư hoạt động tại Công ty luật TNHH V thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là Doanh nghiệp tư nhân P. Địa chỉ: Hà Nội; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị S – Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật V tại Miền Nam, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn dân sự:

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;

Trụ sở: thành phố Q, Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H – Cục trưởng. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Hồng V – Phó cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Ông Lê Tiên D – Phó trưởng phòng Phòng kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Lê Kim A - Phó trưởng phòng Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Có mặt.

4. Ông Lưu Sơn K – Chấp hành viên sơ cấp Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn dân sự:

Ông Bùi Ngọc H – Luật sư hoạt động tại Công ty luật TNHH P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Quang V; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Vắng mặt.

2. Ông Trần Ngọc L; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Ngô D; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Vắng mặt.

4. Ông Lê Tiên D; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Có mặt.

5. Bà Võ Thị Thanh M; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Đỗ Đ H; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Anh Đ; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Thái T; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Vắng mặt.

9. Ông Phạm Văn C – Công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Bà Trần Thị H- Giám đốc công ty TNHH T; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định; Vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:

1. Đại diện ngân hàng X chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai. Vắng mặt

2. Đại diện ngân hàng TMCP Y chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai. Vắng mặt

3. Đại diện ngân hàng X – H chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai. Vắng mặt

4. Đại diện ngân hàng TMCP Z chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai. Vắng mặt

5. Đại diện ngân hàng TMCP Y chi nhánh Nam Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng phòng doanh nghiệp. Vắng mặt

6. Đại diện ngân hàng TMCP K chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai. Vắng mặt

7. Đại diện ngân hàng TMCP V chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai. Vắng mặt

8. Ông Nguyễn V H - Nguyên Giám đốc công ty TNHH Thành T; nơi cư trú: TP. Q, Bình Định. Vắng mặt

9. Bà Trần Thị Kim T; nơi cư trú: tỉnh Gia Lai. Có mặt.

10. Bà Hồ Thị Thanh M; nơi cư trú: TP. Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Đại diện hội đồng định giá:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết M- Phó giám đốc Sở tài chính.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Trưởng phòng quản lý Nhà và công sản, Sở tài chính tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bà Lê Hoàng Ái K – Chuyên viên phòng KH-TC, sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Vắng mặt.

Đại diện Tổng Cục thi hành án dân sự:

Bà Nguyễn Thị Hoàng G – Vụ trưởng Vụ nghiệp vụ 3 Tổng cục thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C trong quá trình tổ chức thi hành án gây thiệt hại đối với Doanh nghiệp tư nhân H (nay là công ty TNHH MTV H).

Theo Bản án số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì ông Lê Viết C, chủ DNTN P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T (do bà Trần Thị H làm giám đốc) số tiền 19.245.128.266 đồng. Sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH T, ngày 09/10/2014, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ký Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 01/QĐ-CTHA cho thi hành khoản bồi thường theo nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật. Nguyễn Văn C, lúc này là Chấp hành viên sơ cấp Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định được phân công trực tiếp tổ chức thi hành án vụ việc này.

Doanh nghiệp tư nhân H do bà Giáp Thị H là chủ doanh nghiệp là đối tác kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân P. Ngày 06/01/2014, doanh nghiệp tư nhân Huy Phương ký kết Hợp đồng thuê kho số 05/2014/HĐKT với doanh nghiệp tư

nhân P để dự trữ lô hàng mỳ (sắn) lát tại TP. Q, tỉnh Bình Định (thời hạn từ ngày 06/01/2014 đến ngày 30/10/2014). Ngày 25/01/2014, doanh nghiệp tư nhân Huy Phương vận chuyển số hàng 1.603.160 kg sắn (mỳ) lát đến kho 2, kho 380, Bình Đoàn 15 để lưu trữ đồng thời lập biên bản gửi hàng với doanh nghiệp tư nhân P.

Xác minh điều kiện thi hành án của doanh nghiệp tư nhân P theo đơn đề nghị của Công ty TNHH T, ngày 17/10/2014, Nguyễn Văn C tiến hành làm việc với ông Lê Viết C (chủ doanh nghiệp tư nhân P), ông C trình bày có lô hàng 2.000 tấn sắn (mỳ) lát trong kho 2, kho 380 không thể chấp cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào và lô hàng này doanh nghiệp tư nhân P đã bán cho Công ty TNHH Thành T theo hợp đồng kinh tế số 1909/HD9KT ngày 19/9/2014, với số lượng 2.000 tấn (+/- 5%). Tuy nhiên, trong khi làm việc với ông C và sau đó C đều không yêu cầu ông C cung cấp sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty cũng như tài liệu chứng minh về nguồn gốc số sắn (mỳ) lát này.

Ngày 20/10/2014, bà Giáp Thị H biết thông tin lô hàng 1.603,160 tấn sắn (mỳ) lát của mình gửi trong kho 2, kho 380 của DNTN P đang bị Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định xác minh để cưỡng chế, kê biên nên ngày 21/10/2014, doanh nghiệp tư nhân H gửi thông báo cho doanh nghiệp tư nhân P đề nghị cho nhận lô hàng 1.603,160 tấn sắn (mỳ) lát này để giao cho khách hàng. Ngày 24/10/2014, bà Giáp Thị H có đơn gửi Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (Cục thi hành án ký nhận ngày 27/10/2014) khiếu nại với nội dung “Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định phong tỏa, kê biên tài sản trái pháp luật”, kèm theo là tài liệu chứng minh sở hữu lô hàng gồm: Hồ sơ hải quan nhập khẩu 1.600 tấn sắn lát: Phiếu chi, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (68 tờ), phiếu cân xe (tập 1: 82 tờ, tập 2: 42 tờ), phiếu nhập kho (10 tờ); hợp đồng thuê kho, hợp đồng vận chuyển, biên bản gửi hàng ... để chứng minh rằng khối tài sản này là thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tư nhân H, chứ không phải của doanh nghiệp tư nhân P.

Ngày 27/10/2014, Nguyễn Văn C xác minh tại Công ty TNHH Thành T, ông Nguyễn V H (giám đốc công ty) trình bày nội dung Công ty có ký kết hợp đồng kinh tế số 1909/HĐKT/2014 ngày 19/9/2014 với DNTN P để mua lô hàng 2.000 tấn sắn lát (+/- 5%), DNTN P đã chuyển cho Thành T 2009,86 tấn. Sau đó, Thành Tâm vận tiếp tục yêu cầu P xuất cho Thành T số lượng còn lại của hợp đồng là +5% của 2000 tấn, nhưng Thành T lại phát hiện P đang có tranh chấp về lô sắn lát nên không muốn mua hàng nữa. Ngày 23/10/2014, Thành T đã gửi thông báo cho P không tiếp tục thực hiện hợp đồng nữa. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc C không thể hiện đầy đủ nội dung do ông H cung cấp vào biên bản làm việc gây hiểu lầm về bản chất vụ việc.

Ngày 04/11/2014, ông Ngô D, Phó cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ký ban hành văn bản số 1161/CTHADS-GQKN trả lời đơn khiếu nại của bà Giáp Thị H, cho rằng khiếu nại của DNTN H là không có căn cứ vì Chấp hành viên chưa ban hành quyết định cưỡng chế kê biên đối với số sản lát nói trên.

Ngày 05/11/2014, doanh nghiệp tư nhân H tiến hành xuất hàng sản (mỳ) lát ra khỏi kho 2, kho 380 và đã xuất được 60,97 tấn trên 03 xe ô tô xuống cảng Q, đổ xuống tàu GAO XIN 16 để giao cho doanh nghiệp tư nhân P xuất bán qua Trung Quốc. Do đó, Công ty TNHH T có thông báo kèm theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm. Sau khi nhận được đơn và tin báo của Công ty TNHH T, Nguyễn Văn C đã gọi điện thoại mời đại diện chính quyền địa phương và Kiểm sát viên Trần Ngọc L đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia tiến hành tạm giữ và niêm phong đối với lô sản (mỳ) lát còn lại trong kho của doanh nghiệp tư nhân P là 1.538,99 tấn. Khi niêm phong, Nguyễn Văn C không lập biên bản về việc niêm phong mà chỉ lập biên bản tạm giữ tài sản trong đó có bao gồm nội dung niêm phong đối với số tài sản bị tạm giữ, không kiểm tra về khối lượng và chất lượng lô hàng tạm giữ. Sau đó, Nguyễn Văn C giao cho tổ bảo vệ của Binh đoàn 15 tiếp tục trông coi số tài sản bị tạm giữ. Việc bàn giao chỉ qua trao đổi miệng, không được lập thành biên bản.

Ngày 06/11/2014, doanh nghiệp tư nhân H có văn bản số 02/CV-HP gửi doanh nghiệp tư nhân P yêu cầu xác nhận lô hàng trên là của doanh nghiệp tư nhân H. Ngày 07/11/2014, doanh nghiệp tư nhân P có văn bản số 10/CV-PL xác nhận quyền sở hữu của doanh nghiệp tư nhân H đối với lô hàng trên. Cùng ngày 07/11/2014, doanh nghiệp tư nhân H gửi đơn đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định tố cáo hành vi của Nguyễn Văn C. Ngày 08/11/2014, ông Lê Viết C (chủ doanh nghiệp tư nhân P) có đơn trình bày gửi Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định với nội dung xác nhận lô hàng 1.603,160 tấn sản (mỳ) lát trong kho 2, kho 380 là của doanh nghiệp tư nhân H chứ không phải của doanh nghiệp tư nhân P. Ông C trình bày do nhầm lẫn vì chưa kiểm tra số liệu báo cáo của kế toán kho nên lời trình bày của ông Lê Viết C với chấp hành viên vào các ngày 17/10/2014, 20/10/2014 là không chính xác (về nội dung lô hàng 2.000 tấn đã bán cho Công ty TNHH Thành T). Ngày 11/11/2014, ông Nguyễn Duy N là luật sư ủy quyền của doanh nghiệp tư nhân H trực tiếp làm việc với chấp hành viên Nguyễn Văn C, tiếp tục khẳng định lô hàng sản (mỳ) lát là của H và đã được P xác nhận với Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, do chủ quan cho rằng doanh nghiệp tư nhân H và doanh nghiệp tư nhân P cấu kết với nhau để tẩu tán tài sản nên Nguyễn Văn C không xem xét và xác minh về tài liệu do doanh nghiệp tư nhân H cung cấp và thông báo vẫn sẽ tiến hành cưỡng

chế, kê biên đồng thời hướng dẫn doanh nghiệp tư nhân H khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền để xác định quyền sở hữu đối với lô sản (mỹ) lát trên.

Ngày 11 và 12/11/2014, Công ty TNHH T có các văn bản số 127/CV-CTTP, 135/CV-CTTP gửi Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế, kê biên đối với lô hàng tại Kho 2, kho 380 để tránh tẩu tán, hủy hoại tài sản. Mặc dù thời hạn xác minh về quyền sở hữu đối với lô sản (mỹ) lát bị tạm giữ theo quy định của Điều 68 Luật thi hành án dân sự vẫn còn nhưng ngày 13/11/2014, Nguyễn Văn C đã ban hành quyết định cưỡng chế, kê biên tài sản số 01/QĐ-CTHADS, với nội dung “Kê biên, xử lý tài sản của ông Lê Viết C – Chủ doanh nghiệp tư nhân P, tài sản kê biên là toàn bộ lô sản (mỹ) lát khô có tại kho số II của khách sạn B – Chi nhánh Công ty TNHH MTV – Tổng công ty 15”. Đồng thời ấn định thời gian tổ chức cưỡng chế, kê biên tài sản vào ngày 24, 25/11/2014 (theo kế hoạch cưỡng chế số 1193/KH-CTHADS ngày 13/11/2014).

Ngày 18/11/2014, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thông báo thụ lý vụ án số 221/2014/TB-TLVA về việc “Yêu cầu công nhận quyền sở hữu về tài sản” của doanh nghiệp tư nhân H. Căn cứ vào thông báo này, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ra quyết định hoãn thi hành án số 08/QĐ-CTHA để chờ bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án. Vì vậy, quyết định cưỡng chế, kê biên số 01/QĐ-CTHADS được ban hành từ ngày 13/11/2014 nhưng trên thực tế Chấp hành viên chưa tổ chức thực hiện việc kê biên đối với lô sản (mỹ) lát này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tiến hành phiên hòa giải nhưng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định không tham gia mặc dù đã được thông báo theo quy định. Việc hòa giải không thành và Tòa án nhân dân thành phố P mở phiên tòa dân sự xét xử sơ thẩm. Ngày 08/6/2015, Tòa án nhân dân thành phố P đã ra bản án sơ thẩm số 27/2015/DS-ST, tuyên “Công nhận quyền sở hữu đối với lô sản (mỹ) lát 1.538,99 tấn tại kho 2, kho 380, khu vực 6, phường Trần Quang Diệu là của doanh nghiệp tư nhân H”. Bản án này bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T kháng cáo theo trình tự phúc thẩm, nhưng sau đó công ty T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 22/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã ra quyết định số 18/2015/QĐ-PT, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án trên. Ngày 06/7/2016, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ban hành văn bản số 983/CTHADS-NV gửi Tòa án nhân dân tối cao đề nghị kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm số 27/2015/DS-ST ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố P. Tòa án nhân dân tối cao đã có văn bản số 248/GĐKT-II ngày 30/12/2016, bác đơn đề nghị giám đốc thẩm của Cục thi hành án dân sự tỉnh

Bình Định với nhận định bản án sơ thẩm là đúng pháp luật. Căn cứ bản án có hiệu lực pháp luật, ngày 16/3/2016, Nguyễn Văn C ra quyết định số 06/QĐ-CTHA, thu hồi toàn bộ quyết định cưỡng chế, kê biên tài sản số 01/QĐ-CTHADS ngày 13/11/2014 và ra quyết định số 60/QĐ-CTHA về việc trả lại tài sản tạm giữ cho bà Giáp Thị H.

Nguyễn Văn C có văn bản thông báo, yêu cầu doanh nghiệp tư nhân H nhận lại tài sản nhưng doanh nghiệp tư nhân H không đồng ý nhận lại vì sản (mỳ) lát là hàng mau hỏng, sau 30 tháng bị giam giữ đã giảm số lượng và chất lượng. Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng cục thi hành án dân sự, Bộ tư pháp; Tổng cục thi hành án dân sự đã có văn bản số 1824/TCTHADS-NV1 ngày 14/6/2016 đề nghị Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định tiếp tục thuyết phục doanh nghiệp tư nhân H nhận lại tài sản, nếu doanh nghiệp tư nhân H không đồng ý thì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc bán tài sản. Vì vậy, sau khi hoàn thiện các thủ tục, Nguyễn Văn C đã tổ chức bán đấu giá số sản (mỳ) lát tạm giữ của doanh nghiệp tư nhân H được 3.555.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ các chi phí thi hành án liên quan, ngày 16/01/2017 Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định chuyển khoản số tiền còn lại là 2.490.668.458 đồng cho doanh nghiệp tư nhân H. Doanh nghiệp tư nhân H có đơn yêu cầu bồi thường nhưng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định không thụ lý giải quyết.

Theo bản kết luận định giá số 54/KL-HĐ ngày 10/01/2018 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định, kết luận tài sản 1.538,99 tấn sản (mỳ) lát khô tại thời điểm tháng 11/2014 có giá trị là 8.156.647.000 đồng.

Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C theo diễn biến tổ chức thi hành bản án nêu trên đã gây thiệt hại cho doanh nghiệp tư nhân H số tiền 5.665.978.542 đồng.

2. Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C trong quá trình tổ chức thi hành án gây thiệt hại đối với DNTN P.

Để tiếp tục thi hành bản án số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, ngày 28/7/2015, Công ty TNHH T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản gửi Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Nội dung đơn yêu cầu Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên đối với tài sản của doanh nghiệp tư nhân P trên thửa đất có diện tích 28.815 m² tại một phần lô BI-3 và BI-4 khu công nghiệp L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, Công ty TNHH T không cung cấp bất kỳ

tài liệu nào kèm theo đơn để chứng minh về tình trạng tài sản của doanh nghiệp tư nhân P.

Trên cơ sở đơn của Công ty TNHH T, ngày 29/7/2015, Nguyễn Văn C xác minh tại UBND xã P về tài sản của doanh nghiệp tư nhân P tại khu công nghiệp L. Kết quả thể hiện doanh nghiệp tư nhân P có nhà máy chế biến nông sản tại địa chỉ nêu trên và thời điểm này nhà máy đang hoạt động bình thường. Nguyễn Văn C đến xác minh sơ bộ tài sản của doanh nghiệp tư nhân P tại khu công nghiệp L. Cũng trong thời gian này, sau khi có quyết định tiếp tục thi hành án của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, Nguyễn Văn C làm giấy triệu tập ông Lê Viết C (chủ doanh nghiệp tư nhân P) đến để giải quyết việc thi hành án, ông Lê Viết C có đơn xin vắng mặt vì lý do đi công tác trong khoảng thời gian 15 ngày. Ngay trong ngày 31/7/2015, Nguyễn Văn C đã ban hành quyết định số 34/QĐ-CTHADS cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của doanh nghiệp tư nhân P trên thửa đất có diện tích 28.815 m² tại một phần lô BI-3 và BI-4 khu công nghiệp L, thành phố Q. Tài sản bị cưỡng chế kê biên gồm: Nhà xưởng sản xuất (kho) diện tích 16.944 m²; sân bê tông 6.400 m²; hồ phòng cháy, chữa cháy; nhà làm việc; văn phòng diện tích 275 m²; trạm cân 80 tấn, nhà trạm cân diện tích 31,39 m²; tường rào, cổng ngõ, hệ thống thoát nước, nhà bảo vệ diện tích 21,84 m². Cùng ngày, C đã xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức cưỡng chế kê biên số 1032/KH-CTHADS trong đó bao gồm nội dung các phương án tiến hành cưỡng chế.

Ngày 21/8/2015, Nguyễn Văn C tổ chức cưỡng chế, tham gia việc cưỡng chế có các thành phần theo kế hoạch bao gồm chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng. Tài sản kê biên gồm: Nhà xưởng sản xuất diện tích 16.944 m²; sân bê tông 6.400 m²; hồ phòng cháy, chữa cháy; nhà làm việc; văn phòng diện tích 275 m²; trạm cân 80 tấn; nhà trạm cân diện tích 31,39 m²; tường rào, cổng ngõ, hệ thống thoát nước; nhà bảo vệ diện tích 21,84 m². Việc tổ chức cưỡng chế kê biên tài sản Chánh có thông báo cho ông Lê Viết C chủ doanh nghiệp. Tuy nhiên ông C vắng mặt. Do ông Lê Viết C vắng mặt trong buổi cưỡng chế nên Hội đồng cưỡng chế đã lập biên bản vắng mặt và biên bản mở khóa cổng. Trong quá trình cưỡng chế kê biên C đã không thực hiện đầy đủ các nội dung đã xây dựng trong kế hoạch số 1032/KH-CTHADS ngày 31/7/2015. Do vậy, khi kê biên nhà xưởng (kho) của doanh nghiệp tư nhân P đang ở trạng thái khóa cửa, không thực hiện việc mở khóa nhà kho, xưởng sản xuất (bên trong chứa 25.728.960 kg sắn (mỳ) lát khô và 33.384 kg hạt ươi) là tài sản không thuộc diện kê biên. Kết thúc buổi cưỡng chế kê biên, C đã niêm phong hai cổng ra vào của kho L và thuê công ty TNHH dịch vụ và bảo vệ H bảo quản tài sản, không cho các bảo vệ, nhân viên của doanh nghiệp tư nhân P vào. Sau đó, doanh

ng nghiệp tư nhân P đã nhiều lần yêu cầu nhưng không được C cung cấp biên bản kê biên tài sản của buổi cưỡng chế kê biên ngày 21/8/2015.

Ngày 26/8/2015, doanh nghiệp tư nhân P đưa nhân viên và 04 xe ô tô tải lên kho L để yêu cầu mở kho lấy hàng hóa, giao hàng cho đối tác. Tuy nhiên, ông Lê Viết C không có mặt và cũng không có giấy ủy quyền nên đại diện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định không xem xét giải quyết. Ngày 28/8/2015, Nguyễn Văn C đề xuất lãnh đạo Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ra thông báo tạm đình chỉ thi hành số 1185/TB-CTHADS do có kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2015/KN-KDTM ngày 18/8/2015 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Ngày 31/8/2015, C làm việc với ông Lê Viết C, tại buổi làm việc C đề nghị ông C nhận lại tài sản đã kê biên để bảo quản, nhưng ông C chỉ đồng ý nhận các biên bản kê biên, còn việc có nhận lại tài sản để bảo quản hay không, ông C trao đổi với luật sư và có ý kiến sau. Ngày 04/9/2015 Nguyễn Văn C ra thông báo số 1217/TB-CTHADS về việc nhận bảo quản các tài sản bị kê biên và không bị kê biên, ấn định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày 07/9/2015, doanh nghiệp tư nhân P phải liên hệ để nhận lại tài sản. Ngày 13/9/2015, doanh nghiệp tư nhân Phú Lợi có đơn xin nhận lại tài sản. Ngày 16/10/2015 Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định tổ chức giao lại tài sản bị kê biên và tài sản không thuộc diện kê biên nhưng bị niêm phong tại kho L cho doanh nghiệp tư nhân P quản lý.

Quá trình điều tra xác minh trong khoảng thời gian tháng 7, 8/2015, doanh nghiệp tư nhân P đang thực hiện các hợp đồng kinh doanh với Công ty TNHH M Sanh và bà Trần Thị Kim T. Nội dung hợp đồng như sau:

- Hợp đồng kinh tế số 10/2015/HĐMBSL ngày 24/7/2015 giữa doanh nghiệp tư nhân P với Công ty TNHH XNK M Sanh thì giá trị là 136.363.488.000 đồng (25.728.960 kg x 5.300 đồng/kg).

- Hợp đồng kinh tế số 11/2015/HĐMBHU ngày 15/8/2015 giữa doanh nghiệp tư nhân P với bà Trần Thị Kim T thì giá trị là 6.676.800.000 đồng (33.384 kg x 200.000 đồng/kg).

Thời gian giao hàng theo các hợp đồng là từ ngày 24/8/2015 đến 28/8/2015. Tuy nhiên, việc Nguyễn Văn C kê biên kho L và niêm phong cổng ra vào. Do vậy, doanh nghiệp tư nhân P không lấy được hàng để giao cho các đối tác nên đã thông báo cho hai doanh nghiệp nêu trên. Ngày 26/8/2015, Công ty TNHH M Sanh và bà Trần Thị Kim T đã hủy bỏ 02 Hợp đồng kinh tế với doanh nghiệp tư nhân P vì vi phạm thời gian giao hàng.

Ngày 16/10/2015, doanh nghiệp tư nhân P nhận lại tài sản nhưng không tìm được đối tác mua hàng. Đến tháng 01/2016 doanh nghiệp tư nhân P mới tìm được đối tác mới và ký các hợp đồng mua bán sản lát số 01/PL-JY/2016 ngày 07/01/2016

có đơn giá là 184USD/ tấn; hợp đồng mua bán sản lát số 02/PL-JY/2016 ngày 16/01/2016 có đơn giá là 178 USD/ tấn; hợp đồng mua bán sản (mỳ) lát số HP20160121 ngày 21/01/2016 có đơn giá là 175 USD/ tấn. Doanh nghiệp tư nhân P thu về số tiền 3.879.672 USD = 88.456.521.600 đồng (tỷ giá 1 USD = 22.800 VNĐ) từ việc thực hiện các hợp đồng này.

Đối với số hạt ươi, do không tìm được đối tác để bán, đến thời điểm tháng 11/2018 không còn giá trị sử dụng đã hư hỏng hoàn toàn. Theo kết luận số VFC.18.4.A.40.4801 ngày 17/11/2018 của Công ty cổ phần giám định Lửa Việt đã kết luận: “Toàn bộ lô hàng 31.456 kg hạt ươi tại kho L của DNTN P bị mốc hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng”.

Trên cơ sở các yêu cầu định giá tài sản số 50/VKSTC-C1(P4) của Cơ quan điều tra, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định đã định giá mỳ (sản) lát và hạt ươi tại thời điểm tháng 8/2015 nhằm thiệt hại đối với DNTN P. Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định kết luận: Giá trị của 25.728.960 kg sản lát và 33.384 kg hạt ươi tại thời điểm tháng 8/2015 là: 137.894.496.000 đồng. Trong đó: 25.728.960 kg sản (mỳ) lát có giá trị: 131.217.696.000 đồng; 33.384 kg hạt ươi có giá trị: 6.676.800.000 đồng.

Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C theo diễn biến tổ chức thi hành bản án nêu trên đã gây thiệt hại cho doanh nghiệp tư nhân P số tiền 49.437.974.400 đồng.

DNTN P có đơn đề nghị giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự và yêu cầu bồi thường số tiền là 76.022.734.033 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định được xác định là bị đơn dân sự và có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho DNTN P.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

****Tuyên bố***: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

****Áp dụng***: Khoản 2 Điều 285; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

****Xử phạt***: Bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 15.8.2019, được trừ thời gian tạm giam từ

ngày 29.11.2017 đến ngày 10.2.2018 và từ ngày 07.12.2018 đến ngày 26.4.2019.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015 Điều 589,597,598 BLDS. Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định có nghĩa vụ phải bồi thường cho:

Công ty TNHH MTV H: 5.665.978.542, đồng.

Doanh Nghiệp tư nhân P: 49.437.974.400, đồng.

Các yêu cầu bồi thường khác của Doanh nghiệp tư nhân P và Công ty TNHH MTV HUY Phương có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 19/9/2019, bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu: Cho kiểm toán đối với DNTN H từ năm 2013 đến 2014; giám định tài liệu nhập khẩu tại lô mỳ do Hải quan lập vì có dấu hiệu sửa chữa; yêu cầu DNTN H cung cấp bản gốc để giám định; việc DNTN P không thực hiện nghĩa vụ thi hành án là lỗi của DNTN P.

Ngày 19/9/2019, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 02/10/2019 Công ty TNHH MTV TM và DV H và Doanh nghiệp tư nhân P kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại thêm(H yêu cầu: 5.695.361.660, đồng; P yêu cầu: 23.795.799.028, đồng).

Ngày 07/11/2019 Bộ Tư Pháp có Văn bản số 4413/BTP-TCTHADS V/v kiến nghị đối với vụ án, có nội dung: Vụ án phức tạp, chứng cứ được sử dụng để buộc tội Chấp hành viên chủ yếu dựa trên lời khai của người phải thi hành án, người bị hại và các hợp đồng kinh tế do các bên tự ký kết, thiếu tính Logic với các tình tiết khác trong toàn bộ vụ án, điều này ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật, làm thiệt hại nghiêm trọng đến ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, của các bị hại là DNTN H và DNTN P, bị đơn dân sự là Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thanh Tùng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Luật sư Chu Thị V bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ vụ án, tuyên bị cáo C không có tội và trả tự do cho bị cáo.

Luật sư Bùi Ngọc H bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn dân sự Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Luật sư Nguyễn Duy N bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ H (trước đây là Doanh nghiệp tư nhân H) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Doanh nghiệp tư nhân H sửa một phần bản án về phần dân sự. Buộc Bị đơn dân sự phải bồi thường thêm số tiền 5.695.361.660 đồng.

Luật sư Lê Văn H bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Doanh nghiệp tư nhân P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo Doanh nghiệp tư nhân P, thừa nhận khoản thiệt hại 49 tỷ là thiệt hại thực tế mà DNTN P phải hứng chịu do hành vi trái pháp luật của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Ngoài ra số tiền thiệt hại 23.795.799.028 đồng về chênh lệch giá, lãi vay do đọng vốn lưu động trong 44 tháng, chi phí phun khử trùng, lương nhân viên dù có chứng từ hay không đều là các thiệt hại mà doanh nghiệp phải hứng chịu. Đề nghị HĐXX trong quá trình xem xét bản án, có cân nhắc các khoản thiệt hại này.

Luật sư Nguyễn Thị S bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Doanh nghiệp tư nhân P thống nhất với quan điểm của luật sư Hà. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét số tiền thiệt hại hơn 23 tỷ đồng của Doanh nghiệp tư nhân P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự thấy:

[1.1] Ngày 9/10/2014, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ký Quyết định số 01/QĐ-CTHA thi hành án, theo đơn yêu cầu thi hành khoản bồi thường theo nội dung bản án số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; Nguyễn Văn C là chấp hành viên được phân công thực hiện quyết định này. Khi thực hiện nhiệm vụ Chấp hành viên, bị cáo C có những thiếu sót: Không điều tra xác minh đầy đủ tài sản thi hành án, Kê biên tài sản gắn liền trên đất là nhà xưởng nhà kho nhưng không mở cửa khóa kho để xác định tài sản có trong kho; sau khi kê biên chậm thực hiện việc thông báo cho DNTN P; gây thiệt hại về tài sản đối với doanh nghiệp tư nhân P và doanh nghiệp tư nhân H. Tòa án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C về tội

“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm (mở lần đầu) vắng mặt 01 Người bào chữa cho bị cáo, bị cáo đề nghị hoãn phiên tòa, tất cả Người làm chứng (theo án sơ thẩm 10 Người làm chứng) đều vắng mặt, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 10 người vắng 7 người, có mặt 3 người; Một số lời khai của các nhân chứng chưa thống nhất. Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt người bào chữa cho bị cáo và các Người làm chứng, quá trình tranh tụng tại phiên tòa chưa làm rõ được chính xác lý do, nguyên nhân gây nên thiệt hại; Tổng giá trị thiệt hại của hai doanh nghiệp là DNTN P và Công ty H. Do đó, kháng cáo của bị cáo, bị đơn dân sự (Cục thi hành án tỉnh Bình Định), các bị hại (DNTN P và Công ty H) là có căn cứ.

[1.3] Về bồi thường thiệt hại: Những hành vi thiếu sót của bị cáo C nêu trên đều có liên quan đến việc DNTN P, khai báo không thống nhất tài sản để trong kho, không chấp hành theo yêu cầu của Chấp hành viên khi thực hiện nhiệm vụ; nên thiệt hại xảy ra một phần do lỗi của DNTN Phú lợi; Việc cam kết bồi thường thiệt hại của Công ty T người được yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên chưa được cấp sơ thẩm xem xét lỗi của các bị hại là DNTN P và Công ty T, để có căn cứ buộc liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, mà quy kết buộc bị đơn dân sự phải bồi thường toàn bộ là chưa đúng với thực tế khách quan của vụ án. Mặt khác, giá sản lát khô tại thời điểm xác định thiệt hại chủ yếu dựa vào các hợp đồng mua bán giữa các bên chưa được kiểm chứng thực tế theo giá thị trường tại địa phương là chưa khách quan.

[2] Do có nhiều thiếu sót như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Nên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Do hủy bản án để điều tra, truy tố, xét xử lại nên chưa xem xét toàn diện đến kháng cáo của Bị cáo, Bị đơn dân sự, các Bị hại là Doanh nghiệp tư nhân P và Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ H.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên Bị cáo không phải chịu.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, các Bị hại là Doanh nghiệp tư nhân P và Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ H không phải chịu (được hoàn trả lại)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử:

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định để điều tra lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị hại Doanh nghiệp tư nhân P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 0003718 ngày 11/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bị hại Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H (Doanh nghiệp tư nhân H) số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003722 ngày 16/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTAHS - Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long